

Số: 802/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 02 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH Luật kinh tế, mã ngành 7380107

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐT ngày 25 tháng 6 năm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4799/QĐ-ĐHCT ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Cần Thơ;

Theo kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ tại Biên bản số 658/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 28 tháng 02 năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Luật và Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế, mã ngành 7380107 của Trường Đại học Cần Thơ.

Điều 2. Chương trình đào tạo ban hành tại Điều 1 được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh sau ngày 01 tháng 01 năm 2023 và áp dụng cho các hình thức đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Cần Thơ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Các ông/bà Trưởng Phòng: Đào tạo, Tài chính, Công tác sinh viên, Giám đốc Trung tâm Liên kết Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng, Trưởng khoa Luật, Trưởng các đơn vị, viên chức và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 802 /QĐ-ĐHCT ngày 02/3/2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Ngành: **Luật kinh tế** (Economic Law)

Mã ngành: 7380107

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 04 năm

Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Khoa Luật

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu đào tạo chung

Chương trình đào tạo cử nhân Luật kinh tế của Khoa Luật – Trường Đại học Cần Thơ, với triết giáo dục “Rèn tâm thiện - Luyện trí minh”, nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức chuyên môn toàn diện, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực pháp lý, có kỹ năng thực hành nghề luật. Bên cạnh đó, Chương trình đào tạo trang bị cho người học có ý thức trách nhiệm công dân, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, có năng lực tự chủ và trách nhiệm, năng lực điều hành hoạt động chuyên môn và thích ứng với thay đổi, có năng lực nghiên cứu khoa học, có khả năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và của Việt Nam.

1.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể

Chương trình đào tạo đại học ngành Luật kinh tế trình độ đại học:

a. Trang bị cho người học kiến thức về khoa học xã hội, chính trị, quốc phòng an ninh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, và giáo dục thể chất.

b. Trang bị cho người học kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong trong lĩnh vực pháp luật kinh tế và liên quan.

c. Trang bị cho người học kỹ năng nghiên cứu và chuyên môn nhằm thực hiện tốt công việc và kỹ năng mềm cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp, thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau và đáp ứng nhu cầu làm việc trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

d. Rèn luyện cho người học có thái độ học tập suốt đời, có năng lực tự chủ và trách nhiệm, có ý thức tổ chức, kỷ luật, tư tưởng chính trị và có đạo đức nghề nghiệp tốt.

2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Luật kinh tế, người học nắm vững các kiến thức, có những kỹ năng và thể hiện được mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân như sau:

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khỏi kiến thức giáo dục đại cương

a. Vận dụng, liên kết được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, an ninh, quốc phòng, học thuyết pháp lý và quyền con người ứng dụng trong hoạt động kinh doanh.

b. Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ bản về sáng tạo, khởi nghiệp, giáo dục thể chất và kỹ năng mềm hỗ trợ tốt cho công việc.

c. Vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin, ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Vận dụng tốt kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong hoạt động nghiên cứu, áp dụng pháp luật về kinh tế, quản lý và điều hành hoạt động chuyên môn pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

b. Vận dụng hiệu quả kiến thức về nhà nước, pháp luật, hiến pháp, luật so sánh làm nền tảng để nghiên cứu, áp dụng kiến thức chuyên ngành luật kinh tế.

c. Áp dụng hiệu quả các kiến thức liên ngành thuộc các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

d. Vận dụng tốt thuật ngữ pháp lý tiếng Anh hoặc tiếng Pháp để tiếp cận hiệu quả kiến thức chuyên ngành và hệ thống pháp luật của các quốc gia trên thế giới.

2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

a. Vận dụng tốt kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong lĩnh vực pháp luật về nội dung có liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại.

b. Áp dụng tốt kiến thức pháp luật về hình thức, giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

c. Vận dụng tốt kiến thức pháp luật quốc tế, pháp luật nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

d. Ứng dụng tốt kiến thức về soạn thảo văn bản, nghiệp vụ, thực hành và đạo đức nghề luật trong hoạt động pháp lý có liên quan đến kinh doanh, nghiên cứu và áp dụng pháp luật nhằm đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam liên quan, phục vụ cho hoạt động kinh doanh, thương mại.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

a. Nghiên cứu, tìm giải pháp và giải quyết được các vấn đề pháp lý, sử dụng cơ sở dữ liệu để tìm kiếm, phân loại, sắp xếp các văn bản QPPL, án lệ phục vụ cho công việc của mình.

b. Kết hợp hiệu quả các kỹ năng thuyết trình, báo cáo chuyên đề, tư vấn phản biện về chuyên môn và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

c. Vận dụng tốt các thuật ngữ pháp lý chuyên ngành bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp, nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật liên quan đến kinh tế.

2.2.2 Kỹ năng mềm

a. Truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; kỹ năng chuyển tải, phổ biến kiến thức chuyên môn.

b. Vận dụng tốt kỹ năng ngoại ngữ và công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp, nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật; thực hiện thuần thục kỹ năng soạn thảo các loại văn bản.

c. Làm việc nhóm, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; thực hiện nhiệm vụ cụ thể, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

2.3 Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Thể hiện rõ thái độ, khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

b. Sẵn sàng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; có tác phong hành nghề chuyên nghiệp, có ý thức kỷ luật và có đạo đức nghề nghiệp.

c. Có khả năng tự định hướng, lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động, học tập suốt đời.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên về pháp luật kinh tế tại các tập đoàn, tổ chức kinh tế, các tổ chức tín dụng, các văn phòng, công ty trong lĩnh vực pháp luật, các cơ quan pháp luật, cơ quan tư pháp ở trung ương, các cơ quan nhà nước khác ở trung ương, các cơ quan nhà nước địa phương, tổ chức chính trị, chính trị xã hội;

- Thư ký, chuyên viên hành chính - nhân sự trong các tổ chức kinh tế;

- Nghiên cứu viên về pháp luật;

- Tư vấn viên về pháp luật;

- Hòa giải viên, Trọng tài viên, Quản tài viên, Trợ giúp viên pháp lý;

- Các chức danh tư pháp (sau khi hoàn thành thêm các chứng chỉ theo từng ngành, nghề).

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi hoàn thành chương trình

- Đủ điều kiện học sau đại học (chương trình thạc sỹ) chuyên ngành luật trong nhóm ngành đúng, ngành gần theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đủ điều kiện học các chương trình đào tạo luật sư và các chức danh tư pháp.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

5.1 Các tài liệu tham khảo

Luật Giáo dục năm 2019, Luật Giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi năm 2018); Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ; Khung Trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học; Khung Năng lực ngoại ngữ Việt Nam; yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT); Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/2014/TT-BTTTT); Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016); Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo của AUN-QA (phiên bản 2015, 2020); Đề án số 01-ĐA/ĐU ngày 18/11/2022 của Đảng ủy Khoa Luật về Phát triển Khoa Luật đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

5.2 Các Chương trình đào tạo tham khảo

5.2.1 Chương trình đào tạo đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Thương mại

(Đã đạt kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào tháng 3 năm 2022)

Nội dung chương trình:

https://tmu.edu.vn///upload/tmu_old/news/2022_06/13cdr-luat-kinh-te.pdf

5.2.2 Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Mở Tp.HCM

(Đã đạt kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào tháng 01 năm 2022)

Nội dung chương trình:

<http://khoaluat.ou.edu.vn/public/uploads/ck/media/files/CTDT-Nganh%20Luat%20Kinh%20te-2019.pdf>

5.2.3 Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Vinh

(Đã đạt kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào tháng 6 năm 2021)

Nội dung chương trình:

<https://vinhuni.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-c02.01.0310vp0a0.html>

5.2.4 Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế của Trường Đại học PADUA (Italia)

Nội dung chương trình:

<https://www.unipd.it/en/educational-offer/first-cycle-degree/economics-and-political-science?ordinamento=2018&key=SP1841&tipo=L&scuola=EP>

Nội dung tham khảo các môn học: Luật hiến pháp, Luật thương mại, Luật lao động, Luật hành chính, Luật quốc tế, Luật so sánh...

5.2.5 Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Innsbruck (Austria)

Nội dung chương trình:

https://www.uibk.ac.at/fakultaeten-servicestelle/pruefungsreferate/studienplaene/english-version/ba-wirtschaftsrecht_stand-01.10.2020_en.pdf

Nội dung tham khảo các môn học: Luật lao động, Luật dân sự, Luật an sinh xã hội, Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật tài chính, Luật hình sự, Luật cạnh tranh, Luận văn tốt nghiệp.

5.2.6 Chương trình đào tạo ngành Luật và kinh tế của Trường Đại học Kent (United Kingdom)

Nội dung chương trình:

https://www.kent.ac.uk/courses/undergraduate/327/law-and-economics?utm_campaign=KentUSCAN&utm_source=Study.eu&utm_medium=Listings#tab--stage3

Nội dung tham khảo các môn học: Luật đất đai, Luật hình sự, Luật so sách, học thuyết pháp lý, Luật môi trường, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động, Luật bảo vệ người tiêu dùng, Luật quốc tế, Luật thừa kế...

6. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương											
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8			Bố trí theo nhóm ngành	
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8			Bố trí theo nhóm ngành	
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21			Bố trí theo nhóm ngành	
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56			Bố trí theo nhóm ngành	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		AV	60				I,II,III	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023	I,II,III	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024	I,II,III	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025	I,II,III	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031	I,II,III	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032	I,II,III	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			PV	60				I,II,III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3				45			FL001	I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3				45			FL002	I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4				60			FL003	I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45				FL007	I,II,III	
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3		45				FL008	I,II,III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II,III	
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III	
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III	
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III	
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III	
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III	
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III	
25	KL051	Quyền con người	2	2		30				I,II	
26	ML007	Logic học đại cương	2		6	30				I,II,III	
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30					I,II,III
28	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20				I,II,III
29	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30					I,II,III
30	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20				I,II,III
31	KL233E	Học thuyết pháp lý	2			30					I,II
32	KL113E	Lịch sử nhà nước và Pháp luật	2			30				I,II	
Cộng: 43 TC (Bắt buộc 24 TC; Tự chọn: 19 TC)											
Khối kiến thức cơ sở ngành											
33	KL101	Lý luận Nhà nước và pháp luật 1	2	2		30				I,II	
34	KL102	Lý luận Nhà nước và pháp luật 2	2	2		30		KL101		I,II	
35	KL301	Luật hiến pháp 1	2	2		30				I,II	
36	KL302	Luật hiến pháp 2	2	2		30		KL301		I,II	
37	KL210	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng	2	2		30		KL327		I,II	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
38	KL105	Luật so sánh	2	2		30		KL102		I,II
39	KL115	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Luật	2	2		30		KL102		I,II
40	KL127	Luật hành chính	3	3		45			KL102	I,II
41	KL122	Luật hôn nhân và gia đình	2	2		30		KL231		I,II
42	KL118	Luật hình sự phần chung	2	2		30				I,II
43	KL119	Luật hình sự phần riêng	2	2		30		KL118		I,II
44	KL371	Luật tố tụng hình sự	2	2		30		KL119		I,II
45	KL231	Luật dân sự: Chủ thể, tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế	2	2		30				I,II
46	KL133	Luật dân sự: Nghĩa vụ dân sự	2	2		30		KL231		I,II
47	KL375	Công pháp quốc tế	3	3		45		KL302		I,II
48	KL327	Luật đất đai	3	3		45		KL302		I,II
49	KL213	Luật môi trường	3	3		45				I,II
50	KL116	Thuật ngữ pháp lý - Tiếng Anh	2		2	30		XH025		I,II
51	KL117	Thuật ngữ pháp lý - Tiếng Pháp	2			30		FL003		I,II

Cộng: 40 TC (Bắt buộc: 38 TC; Tự chọn: 2 TC)

Khối kiến thức chuyên ngành

52	KL214	Pháp luật về thương nhân	3	3		45			KL231	I,II
53	KL215	Luật thương mại	3	3		45		KL214		I,II
54	KL230	Luật tố tụng thương mại và phá sản	3	3		45		KL215		I,II
55	KL384	Luật về kinh doanh bất động sản	2	2		30		KL327	KL215	I,II
56	KL331	Tư pháp quốc tế 1	2	2		30			KL231	I,II
57	KL332	Tư pháp quốc tế 2	2	2		30		KL331		I,II
58	KL232	Luật thương mại quốc tế tư	3	3		45		KL331		I,II
59	KL393	Pháp luật về đầu tư	2	2		30		KL214		I,II
60	KL322	Luật lao động 1	2	2		30				I,II
61	KL218	Luật lao động 2	2	2		30		KL322		I,II
62	KL228	Luật ngân sách nhà nước	2	2		30		KL302, KL127		I,II
63	KL219	Luật thuế	3	3		45		KL214, KL228		I,II
64	KL388	Luật ngân hàng	2	2		30		KL214		I,II
65	KL335	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	2	2		30		KL302		I,II
66	KL235	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	3	3		45		KL215		I,II
67	KL396	Pháp luật về thương mại điện tử	2	2		30		KL215		I,II
68	KL374	Luật tố tụng dân sự	2	2		30		KL133		I,II
69	KL391E	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2			30			KL214	I,II
70	KL392E	Pháp luật về hoạt động xuất nhập khẩu	2			30		KL215		I,II
71	KL427	Pháp luật về hợp đồng trong thương mại	2			30			KL215	I,II
72	KL428E	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	2			30			KL215	I,II
73	KL406	Thực hành nghề Luật	2			12	36	≥ 70 TC		I,II,III
74	KL217	Luật thương mại quốc tế công	2			30		KL375		I,II
75	KL236	Pháp luật về khiếu nại và khiếu kiện	2			30		KL127		I,II
76	KL221	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng thương mại	2			30		KL215	KL427	I,II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện	
77	KL370	Luận văn tốt nghiệp - Luật	10		10		300	≥105 TC		I,II	
78	KL411	Tiểu luận tốt nghiệp - Luật	4				120	≥105 TC			I,II
79	KL424	Luật thương mại chuyên sâu	4			60		KL230			I,II
80	KL344E	Bảo đảm nghĩa vụ	2			30		KL302			I,II
81	KL425E	Pháp luật về các hiệp định thương mại	2			30		KL217			I,II
82	KL431	Thực tập tốt nghiệp	2				60	≥105 TC		KL411	I,II
83	KL395E	Luật thuế quốc tế	2			30		KL219			I,II
84	KL199	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2			30					I,II
85	KL234E	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ Logistics	2			30		KL215			I,II
86	KL397	Nghiệp vụ toà án	2			15	30	≥105 TC			I,II
87	KL380E	Luật an sinh xã hội	2			30					I, II
88	KL198	Đạo đức nghề luật	2			16	28				I, II
Cộng: 58 TC (Bắt buộc: 40 TC; Tự chọn: 18 TC)											
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 102 TC; Tự chọn: 39 TC)											

(*): Là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường hoặc học tích lũy.

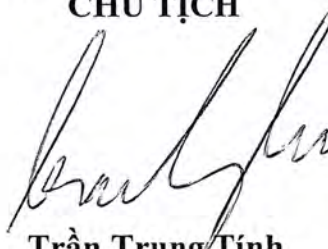
Ngày 02 tháng 3 năm 2023

BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG




Hà Thanh Toàn

HỘI ĐỒNG KH và ĐT
CHỦ TỊCH



Trần Trung Tính

KHOA LUẬT
TRƯỞNG KHOA



Phan Trung Hiền